TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG ----------*----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2019**/DS-ST
Ngày 21/3/2019.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.
2. Ông Nguyễn Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trần Hữu Vĩnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Anh D**, sinh năm 19xx.
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

- *Bị đơn*: **Lê Tấn P**, sinh năm 19xx.
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Đ, tỉnh G.

(Ông D và ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Anh D trình bày:* Trên cơ sở quen biết, ông Pt là tổ trưởng tổ vay vốn của ấp X, xã T, còn ông là tổ trưởng tổ vay vốn của ấp B, xã A. Do ông P cần tiền để đáo hạn Ngân hàng nên ông có cho ông P vay 02 lần tiền như sau:

- Ngày 18/12/2012, ông cho ông P vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là sau khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền cho ông và có làm biên nhận do ông P viết và ký tên (bút lục 17). Sau khi vay, ông P trả được 03 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng thì ngưng đến nay.

- Ngày 18/02/2013, ông cho ông P vay thêm 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là sau khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền

cho ông và có làm biên nhận do ông P viết và ký tên (bút lục 16). Sau khi vay, ông P trả được 01 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng thì ngưng đến nay.

Tổng cộng ông P còn nợ ông số tiền là 50.000.000 đồng. Trong thời gian qua, ông yêu cầu ông P trả tiền cho ông nhưng ông P cứ hẹn mà không trả. Đến năm 2018, ông P cố tình tránh mặt ông. Nay ông yêu cầu ông P trả lại số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật

- *Tại Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Tấn P trình bày:* Ông có vay của ông D 02 lần tiền cụ thể: Vào ngày 18/12/2012 vay 20.000.000 đồng và ngày 18/02/2013 vay 30.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông viết và ký tên, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận khi nào đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền. Sau khi vay, ông đã trả lãi đầy đủ cho ông D đến tháng 8/2017 thì ông ngưng không trả tiếp. Những lần trả lãi ông đều trả trực tiếp cho ông D và không có làm giấy tờ gì. Ông không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả. Nay ông thừa nhận còn nợ ông D số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý trả, vì hiện ông không có khả năng trả số tiền này.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc ông P có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa ông D và ông P là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông D yêu cầu ông P trả lại số tiền 50.000.000 đồng theo 02 biên nhận ngày 18/12/2012 và ngày 18/02/2013 (bút lục số 17, 16). Xét thấy, yêu cầu của ông D là có cơ sở. Vì tại phiên tòa, ông P thừa nhận còn nợ ông D số tiền này nhưng ông P không đồng ý trả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc ông P phải có nghĩa vụ trả lại ông D số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi, ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả, tại phiên tòa ông D thấy, yêu cầu của ông D là có cơ sở. Vì ông P nợ số tiền trên đã quá lâu nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D nên buộc ông P có nghĩa vụ trả lại ông D số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông P có nghĩa vụ trả nợ nên ông P phải chịu án phí (50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng). Tuy nhiên, ông P là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi nên ông P được miễn án phí. Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh D.**

Buộc ông Lê Tấn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh D số tiền là **50.000.000 đồng** *(Năm mươi triệu đồng)* trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Ông Phát được miễn nộp án phí.

• Hoàn lại ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 45963 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận:</u>
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An